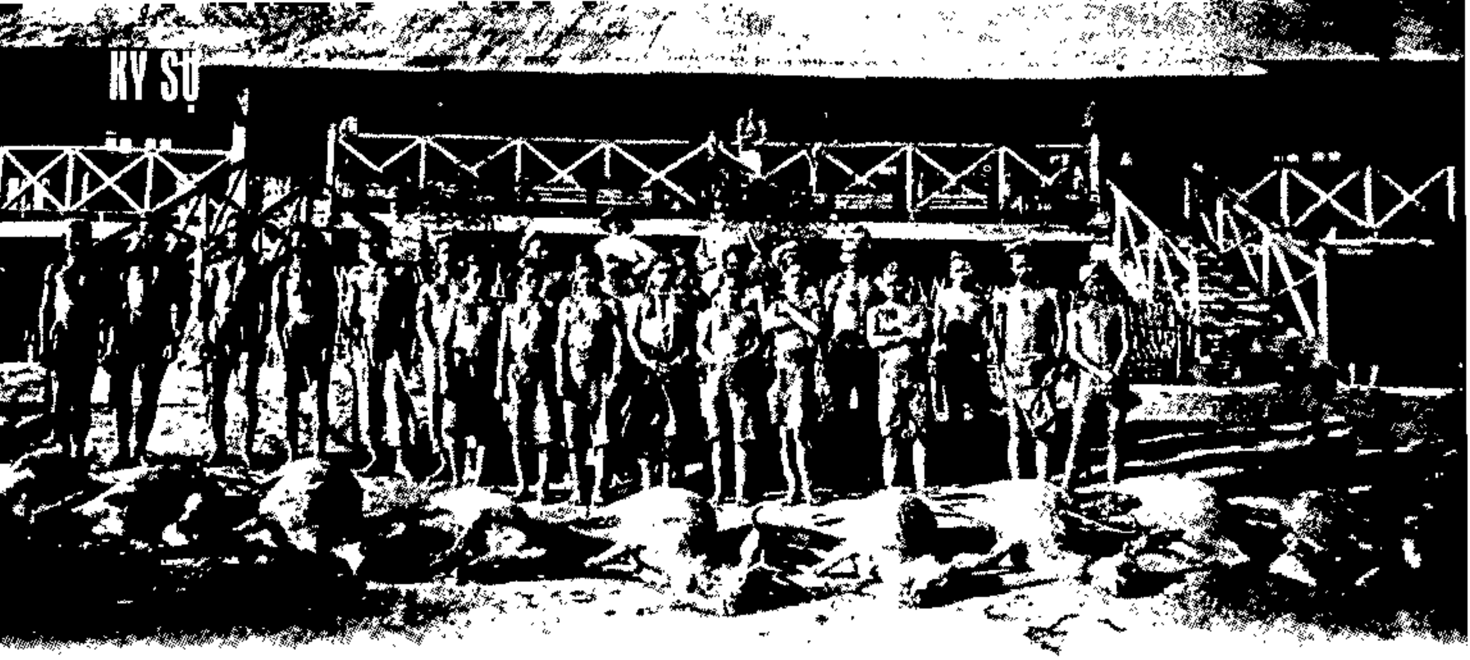

Khách sạn sang đầu tiên của Đà Lạt

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐÀ LẠT

A. Baudrit,
trích Indochine hebdomadaire illustré
số 180 ngày 10-2-1944.

Trước khi thời gian còn chưa kịp xóa đi những kỷ niệm, tôi thấy vạch lại mấy nét những hoàn cảnh khiến cho thành phố Đà Lạt được sinh ra và phát triển cũng là một việc lí thú. Để có được những kết quả nghiên cứu, không gì chắc chắn hơn là hỏi chuyện người lớn tuổi ở ngay cái thành phố trên cao đó là ông Cunhac, một người sáng lập ra thành phố và là một quan chức đầu tiên của thành phố.

Ông Cunhac rất muốn nhắc lại cho độc giả của *Indochine* những kỷ niệm đã nửa thế kỷ của mình và tìm trong bộ sưu tập ảnh đồ sộ của mình, những chứng vật của một thời kỳ, những bức ảnh cho chúng ta thấy vẻ nguyên thủy của điểm nghỉ mát trên cao xinh xắn này.

Trước tiên tôi hỏi ông Cunhac ông đã tới đây khi nào và trong trường hợp nào. Câu trả lời của ông như một câu chuyện về sự thành lập Đà Lạt:

- Cao nguyên Đà Lạt được bác sĩ Yersin phát hiện ra vào năm 1893 sau nhiều lần thực hiện những cuộc thăm dò trong dãy Trường Sơn. Năm 1897, ông báo những phát hiện của mình cho Toàn quyền Paul Doumer lúc đó đang dự kiến thành lập ở Đông Dương một trạm nghỉ mát trên cao cho người châu Âu. Tháng 10 năm đó, một đoàn quân sự được thành lập để tìm con đường dễ nhất từ Nha Trang lên cao nguyên Lang Biang.

Đoàn được đặt dưới sự chỉ huy của đại úy pháo binh Thouard; phó đoàn là trung úy lính thủy đánh bộ Wolf. Đoàn gồm có: viên đội Cunhac, trợ lý đo vẽ địa hình, họa sĩ Abriac chịu trách nhiệm về culi và vận chuyển, lính thủy đánh bộ Missigbrod, người vùng Poméranie, nguyên là lính lê dương, lính hầu của trung úy, một tay rất tháo vát, cuối cùng là hai hay ba người lính An Nam và một người dẫn đường; người dẫn đường này không ai khác hơn là người lính bốn năm trước đây đã đi theo bác sĩ Yersin lên cao nguyên.

- Chuyến đi như thế nào, chắc là nhiều khó khăn lắm?

- Đoàn ra đi từ Sài Gòn, tới Nha Trang vào cuối tháng 10-1897 và chỉ ít lâu sau đó bắt tay ngay vào việc đi lên vùng phía trên của lưu vực sông Nha Trang. Sau

khoảng một tháng thám hiểm địa hình rất khó khăn, thậm chí nặng nhọc, trong các vùng núi chỉ có vài bộ lạc Mọi chưa hàng phục và thù địch, đoàn tới được thung lũng Đa Nhim ở thượng lưu sông Dran, ở xóm Loupah của người Mọi. Từ xóm này, đoàn men theo bờ phải của con sông, tới Finnom (Phi Nôm) thì vượt sông Datam (Đạ Tam), một chi lưu của sông Đa Nhim. Đoàn ngược con sông này tới tận gờ Nam của cao nguyên, qua thác Prenn và cuối cùng tới Đà Lạt, gần chỗ nay là nhà nghỉ Auberge Savoisienne.

- Khi lên được cao nguyên, đoàn ở đâu?

- Sau khi ở lều một thời gian bên bờ sông Cam Ly, đoàn tạm thời ở Dankia, trung tâm làm việc và tiếp tế. Hơn nữa, ở đó còn có một làng Mọi khá lớn trong khi các nơi đều hoang vắng. Về phía Manline có hai hay ba xóm của người Lat, tất cả chỉ có thế! Trên đó rất nghèo, chính vì thế hầu như không có người ở. Ở Dankia, chúng tôi có lợi là ở trung tâm của vùng, vừa có thể dựng bản đồ vừa có thể đổi các đồ vật lấy thực phẩm.

Chúng tôi để anh lính Missigbrod ở lại Dankia và lại xuống khỏi cao nguyên một chút về phía bờ biển; ngay lập tức anh này bắt tay ngay vào việc làm một vườn rau và chăn nuôi nhằm cung cấp thực phẩm cho đoàn; đó chính là những khởi đầu khiêm tốn của "Trại Dankia" sau này.

Công việc kéo dài mười một tháng, kết thúc vào tháng 9-1898, và đoàn quay về Sài Gòn.

- Khi đó bắt đầu xây dựng Đà Lạt à?

- Chưa! Từ khi tìm ra vị trí, một đoàn thứ hai (1898-1899) được Toàn quyền Doumer phái đi như đoàn thứ nhất và đặt dưới quyền chỉ huy của đại úy kỵ binh Guynet, có nhiệm vụ vạch một con đường lên cao nguyên. Trước hết, đoàn phải làm một con đường không trải đá nhưng xe đi được từ Phan Rang hướng lên phía Bắc tới chân dãy Trường Sơn. Tiếp theo đó là một con đường có độ dốc trung bình 8%, lừa đi được, lên tới cao nguyên Lang Biang.

Tôi là thành viên của đoàn này, ban đầu với chức danh là thư ký đặc biệt của đại úy, sau đó được trao nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng con đường dự kiến.

Điểm xuất phát được chọn ở Xom-gom, bên bờ sông Phan Rang và ở chân dãy Trường Sơn, tiếp tới chúng tôi chọn Daban trên đèo Krompha (đèo Sông Pha hay còn gọi là đèo Ngoạn Mục), điểm này thực tế mới là điểm khởi đầu cho việc leo lên cao nguyên. Cây cầu vượt sông Phan Rang lúc đó ở chỗ hơi lui về phía thượng lưu cây cầu đường sắt hiện nay. Tại chỗ đó, người ta làm một cây cầu nhỏ hai nhịp, loại tháo lắp được của công binh, đặt trên các giá đỡ. Con đường mòn đi qua Dran và Arbre-Broyé để lên tới cao nguyên. Đoàn Guynet hoàn thành công việc vào tháng 10-1898.

- Lúc đó Đà Lạt như thế nào?

- Về nguyên thủy hầu như chỉ bị thay đổi vào những năm gần đây. Tại vị trí hồ[1] có một con suối nhỏ nằm trong khu vực của bộ lạc Lat và người ta gọi nó là Da-Lat (*da* hay *dak* theo tiếng Mọi có nghĩa là nước) và con suối này, vì một một lý do tôi cũng lờ mờ, được người ta đổi thành tên An Nam là Cam Ly.

Và ông Cunhac cho tôi xem bức ảnh có một chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua một con suối tại chỗ nó trở thành một cái hồ. Những lần san lấp suối và con đường qua suối trên những chỗ san lấp đó sau này trở thành con đập đầu tiên chặn suối Cam Ly trước chiếc ki-ốt ở chân đồi golf. Ở bên phải ta thấy đồi; ở bên trái ta thấy tòa công sứ; phía xa là hai đỉnh Lang Biang.

Ngày nay biết nền hành chính Đà Lạt khởi đầu như thế nào cũng là một điều lí thú vì, nói tóm lại, trong một thời gian dài Đà Lạt chỉ là một thành phố tiềm tàng. Đầu thế kỷ Đà Lạt là một nơi giàu có trong tương lai nhưng chỉ có thế thôi à?

Ông tiếp:

- Sau chuyến công tác của đoàn Gyunet, người ta thành lập tỉnh Mọi Đồng Nai Thượng[2] vào năm 1899 với tỉnh lị ở Djiring; công sứ là ông Ernest Outrey. Nhiệm vụ chủ yếu của ông ta là tuyển nhân công cho rất nhiều đoàn nghiên cứu rải rác từ Biên Hòa qua Tánh Linh tới Djiring. Các đoàn này có nhiệm vụ chính là thám sát và nghiên cứu để vạch ra một con đường sắt nối vùng ven biển với cao nguyên.

Ông Outray có dưới quyền của tỉnh mình thêm cả Đà Lạt; năm 1900 ông cho xây dựng tại chỗ nay là Tòa Đốc lí một ngôi nhà sàn bằng gỗ lợp tôn.

Năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bỏ,

Phương tiện qua sông Đa Nhim trong khoảng 1910 tới 1915

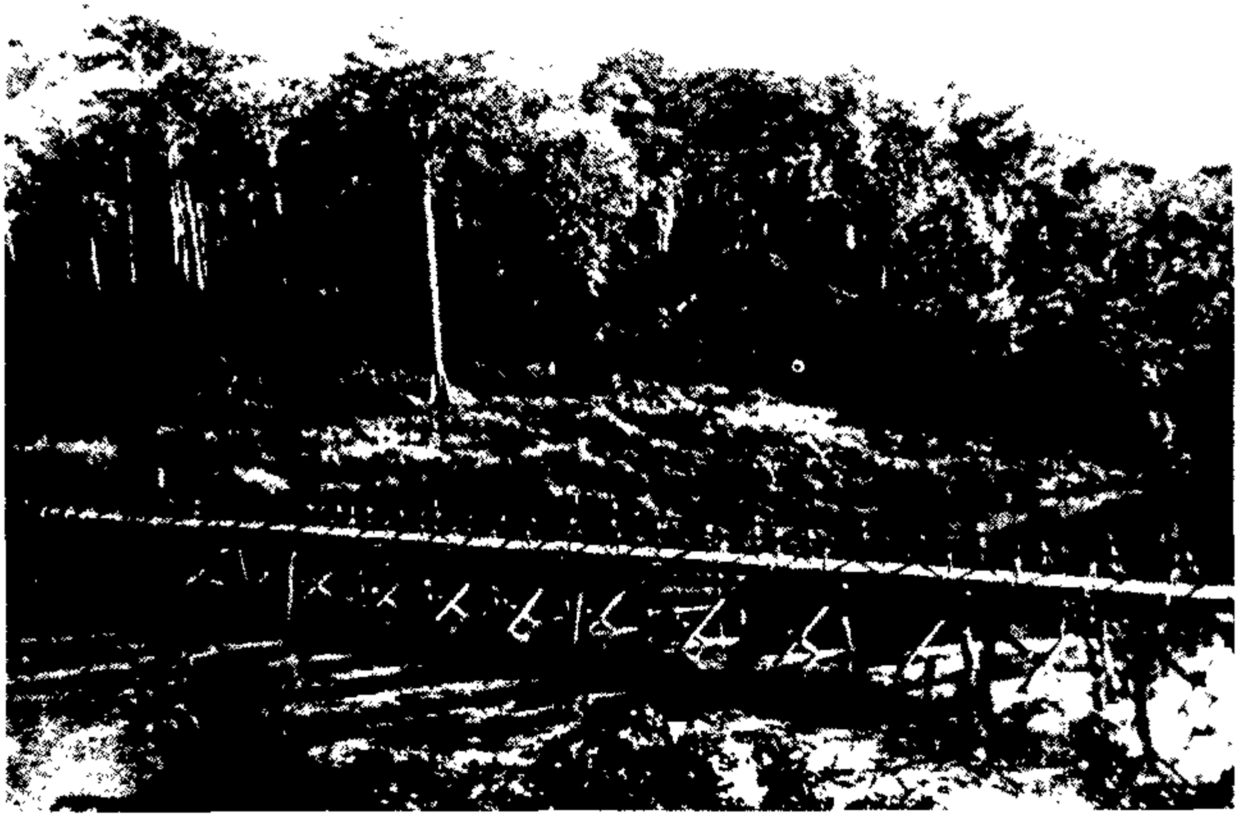

Cây cầu đầu tiên qua sông Đa Nhim (1915)

Djiring chuyển thành đại lý[3] và thuộc Phan Thiết, trong khi Đà Lạt cũng là đại lý nhưng thuộc Phan Rang.

Tôi là trưởng đại lý đầu tiên của Đà Lạt; người kế nhiệm tôi là ông Canivey. Rời Đà Lạt, tôi trở thành trưởng đại lý Djiring từ 1903 tới 1915.

- Đà Lạt không còn là đại lý từ khi nào?

- Khoảng tháng hai, tháng ba năm 1916 thì tỉnh Lang Biang được thành lập, giống như tỉnh Đồng Nai Thượng, với tỉnh lị ở Đà Lạt.

Lúc đó tôi rời Djiring để làm công sứ tỉnh mới này. Nhưng năm 1920 Đà Lạt trở thành một hạt tự trị được giao cho ông Garnier làm Tổng ủy viên của Phủ toàn quyền. Tuy vậy tôi vẫn ở lại làm công sứ tỉnh và kiêm thêm chức ủy viên phó cho ông Garnier.

- Lúc đó tòa nhà hành chính đặt ở đâu?

- Trong một cái nhà gỗ có lầu kiểu nhà ở miền núi Thụy Sĩ. Tôi ở trên lầu còn các văn phòng ở phía dưới.

- Còn nguồn gốc tòa nhà hành chính hiện nay như thế nào?

- Đó là một cái chòi do thành phố Sài Gòn làm, trên mái hiện nay ta vẫn còn thấy một chữ S to cài bằng ngói đỏ tươi để chỉ Sài Gòn. Ngôi nhà đó đã được thành phố Đà Lạt mua lại.

- Thế còn những ngôi nhà khác?

- Có một cái nhà dã ngoại (sala) cho những tay đi săn ở xa hẹn nhau tới tụ hội.

Và ông cho tôi xem một bức ảnh khác, trong đó tôi thấy trước ngôi nhà tiền thân của khách sạn Desanti (nay là khách sạn Lac) là một dãy hươu bị bắn hạ nằm ở phía trước hiên khách sạn đầu tiên của Đà Lạt.

Ông tiếp:

- Hồi đó còn có những ngôi nhà khác nữa hiện nay vẫn còn như ngôi nhà nhỏ một tầng trước khách sạn Lac (trên miếng đất chìa ra của sân vận động); tại đèo Prenn vào Đà Lạt, ngôi nhà đầu tiên ở bên trái và ngôi nhà đầu tiên ở bên phải là hai ngôi nhà cùng thời với sự bùng nổ của Đà Lạt. Về phần người An Nam, họ cũng tới Đà Lạt gần cùng với người Pháp, họ ở trên đồi phía Tây trông xuống chợ.

- Thế còn Hồ[4], một vòng hoa trang điểm đẹp của Đà Lạt, ai và khi nào bắt tay vào xây dựng nó?

- Hồ được hình thành tương đối gần đây. Theo đề xuất của tôi, thực tế nó được xây dựng quãng năm 1919 bởi ông Labbé, kĩ sư Sở Công chính. Những chỗ san lấp cũ

để làm nền đường lại được nâng cao thêm và kéo dài trong khoảng các năm 1921-1922 theo lệnh của Công sứ Garnier; năm sau một con đê thứ hai được xây dựng ở phía hạ lưu con đê thứ nhất để tạo ra hai hồ. Hai con đê này do không đủ thoát một lượng tràn đủ lớn nên đã bị vỡ trong cơn bão tháng 5-1932. Ngay lập tức người ta làm lại hai con đê khác theo các thông số cũ. Con đê hiện nay bằng đá được xây dựng trong khoảng thời gian 1934-1935 và lui về phía hạ lưu hơn so với những con đê trước.

- Vào lúc Đà Lạt bắt đầu có du khách tới thì họ tới bằng đường nào?

- Họ tới bằng đường từ Phan Thiết và Djiring. Trong mười hai năm ở Djiring, nhờ sự giúp đỡ của ông Garnier lúc đó là công sứ Phan Thiết, tôi đã nghiên cứu việc xây dựng đường ô tô không trải đá lên cao nguyên. Con đường này khởi đầu ở Gian-mau, cách Phan Thiết 19km, chạy tới được Djiring vào năm 1914; đoạn Djiring - Đà Lạt được xây dựng trong khoảng 1914-1915.

- Thế lúc đó người ta vượt qua sông Đa Nhim như thế nào?

- Ban đầu bằng những chiếc thuyền độc mộc của người Mọi; sau đó tôi cho làm một thứ kiểu như phà do nhiều chiếc thuyền độc mộc ghép lại trên phủ ván (xem ảnh).

Dây kéo bằng những sợi mây, sau đó bằng da trâu, dần dần bằng cáp kim loại. Sau đó tôi thử làm một cây cầu bằng các thuyền ghép lại; cuối cùng vào năm 1915, tôi bắt đầu xây dựng một cây cầu bằng gỗ. Cây cầu này bằng gỗ dầu, dài khoảng một trăm mét, cách mặt nước trung bình khoảng sáu mét và có thể chịu được tải ▶

GIỚI THIỆU SÁCH

Quyển "dư địa chí thu nhỏ" về vùng đất Nam kỳ

Nhiều bạn đọc sách và yêu mến về vùng đất Nam bộ xưa, chúng ta đã từng nghe nhắc đến hoặc đã từng được đọc tác phẩm Nam kỳ lục tỉnh địa dư chí *của Duy Minh Thị do Thượng Tân Thị dịch và đã được đăng trên* Đại Việt tập chí, *số 50, 51, 52, ra ngày 1-12 -1944. Những người hiếu cổ và biết chút chữ Hán, chữ Nôm thì có thể đã được đọc nguyên văn chép tay hoặc bản khắc in của tác phẩm này, và khi đọc xong trong mỗi chúng ta phần nào cảm nhận được giá trị của tập sách.*

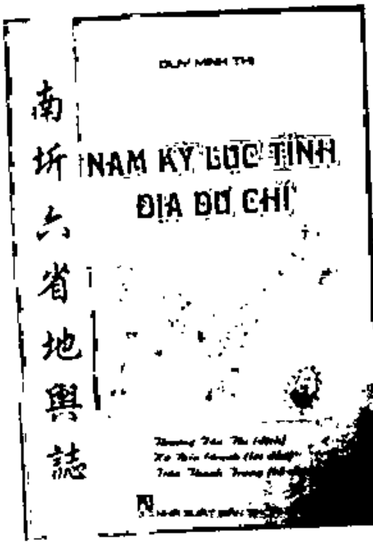

Sách Nam kỳ địa dư chí, *ngoài giá trị về mặt tư liệu, còn mang tính lịch sử của nó; vì có thể nói đây là tác phẩm dư địa chí Nam kỳ đầu tiên trong buổi đầu thiết lập sự cai trị của thực dân Pháp trên vùng đất này. Và phải hơn 3 năm sau mới có thêm một quyển địa dư nữa ra đời, đó là tác phẩm Petit cours de géographie de la Basse – Cochinchine[1] bằng tiếng Pháp của Trương Vĩnh Ký.*

Sách Nam kỳ địa dư chí *được Duy Minh Thị biên soạn vào lúc giao thời, chuyển từ nền hành chính phong kiến sang thời thuộc Pháp ở Nam kỳ, và việc biên soạn này vẫn theo thể thức từ chương, nhưng tác phẩm cũng được bổ sung thêm thông tin đến năm 1872.*

Về phần tác giả, qua khảo cứu từ nhiều nguồn tư liệu, chúng tôi được biết: Duy Minh Thị tên là Trần Quang Quang, chưa rõ năm sinh năm mất, người ở huyện Duy Minh (thuộc phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long); tên Nôm xưa là rạch Nước Trong, nay thuộc xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Khi còn nhỏ, Duy Minh Thị đi học ở Gia Định, tại Xóm Dầu (An Bình), nên khi viết văn ông còn lấy bút danh Phụng Du Lý (người xóm Dầu Phụng). Sau khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, ông theo học ở trường Thông ngôn (Collège des interprètes), rồi được bổ làm Kinh lịch (Lettré) ở Chợ Lớn. Ngoài công việc của một viên chức hành chính, ông còn dành nhiều công sức cho việc sưu tầm tư liệu và biên soạn một số tác phẩm có giá trị như Lục Vân Tiên, Đại Nam thực lục *(4 quyển)[2],* Nam kỳ địa dư chí,... *Riêng về tác phẩm* Nam kỳ địa dư chí, *Nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển cho biết thêm: "Vào năm 1872, ông Duy Minh Thị, quê ở xóm Dầu Phụng (Phụng Du Lý) ở Chợ Lớn dựa theo bộ* Cấn trai[3], *thâu bớt lại dọn thành bộ* Nam kỳ lục tỉnh địa dư chí *và gởi qua nhà Cận Văn Đường, Việt Đông (Quảng Đông), cho khắc bản. Xuống năm 1944, trào Decoux, lúc bỉnh bút tờ* Đại Việt tập chí, *Hồ Văn Trung tự Biểu Chánh, lấy bộ sách chữ Nôm Duy*

trọng mười tấn (xem ảnh). Do không có một khoản tín dụng nào nên tôi không thể mua được đinh để thực hiện công trình; vì thế các thanh cầu được ráp với nhau bằng những chốt bằng gỗ rắn, tuy vậy nhưng cũng được.

Nếu chú ý tới một cây lớn gần cầu trong ảnh này và ảnh trên thì cây cầu này vẫn nằm ở vị trí trong ảnh trên.

Nhớ lại những công trình đầu tiên của mình, giờ đây nhìn thấy cây cầu do công ty Levallois - Perret thực hiện, ông nói với tôi vài lời về chúng. Tự đáy lòng, ông so sánh cây cầu đầu tiên bằng thuyền của mình với những công trình lớn hiện nay có thể đương đầu với những thách thức của tự nhiên. Đó là tiến trình tất yếu! Nhưng phải có ai đó xẻ đường để những người đi sau qua được dễ dàng hơn.

Ngày nay Đà Lạt với những dinh, khách sạn và biệt thự xinh xắn là một góc nhỏ của nước Pháp ở một vùng ngày xưa cô lập và thù địch. Để có được những thành quả đó chúng ta phải biết ơn ba người: Bác sĩ Yersin, người đã phát hiện ra cao nguyên; Toàn quyền Paul Doumer, người đã quyết định xây dựng điểm nghỉ mát trên cao nguyên; và ông Cunhac, người đầu tiên thực hiện dự án.■

Lưu Đình Tuân *(dịch)*

CHÚ THÍCH:

1. Các mô tả tiếp theo cho thấy đây là hồ Xuân Hương.

2. Nguyên văn *la province moï du Đồng Nai*. Do những điều kiện khách quan cộng với những ý đồ chủ quan, người Pháp đã thành lập tại nước ta một số tỉnh theo sắc tộc như *tỉnh Mọi Đồng Nai Thượng, tỉnh Mường Hòa Bình.*

3. *Délégation*. Đó là một đơn vị hành chính chưa đạt tới cấp tỉnh, thí dụ: đại lý Thất Khê, đại lý Hoàn Long...

4. Nguyên văn *Lac*, tên chính thức lúc đó của hồ Xuân Hương hiện nay.

Minh Thị, giao cho Phan Quốc Quang tự Thượng Tân Thị phiên âm ra Quốc ngữ. Đó là quyển Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí *(...) dày 105 trang, khổ 13x18cm..."*[4].

Về phần nội dung sách Nam kỳ địa dư chí, *có phần tương đồng với quyển* Gia Định thành thông chí *của Trịnh Hoài Đức, là đều chia theo từng tỉnh, mỗi tỉnh mô tả khái lược về diên cách, lịch sử, đất đai, con người và phong tục, văn hóa vùng đất Nam kỳ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn. Về hành chính, sách được phân chia ra thành 6 tỉnh, gồm 18 phủ, 43 huyện. Những đơn vị hành chính này, hầu như đều đến mốc thời gian từ cuối năm Minh Mạng đến đầu thời Thiệu Trị. Ngoài ra, tác giả cũng đã có bổ sung thêm phần thuộc các địa hạt thanh tra đến năm 1872. Phần trọng tâm của tập sách là những ghi chép về địa danh sông ngòi, kinh rạch, núi non, gò bãi, các dãy cù lao, hoặc các trạm đường, bến đò. Tác giả không phải chỉ giới thiệu về địa lý mà còn gắn liền với những câu chuyện lịch sử, văn hóa sinh động trên vùng đất Nam bộ qua từng địa danh, chẳng hạn như sông Song Ma, gắn liền với một câu chuyện tình diễm lệ của cặp trai gái thương nhau mà cha mẹ hai bên không ưng thuận nên đang đêm hôm, họ lội qua sông để định đi trốn, không ngờ bị chết đuối giữa đường, nhưng vẫn còn ôm chặt lấy nhau, cha mẹ thấy cảm thương nên cho đôi con trẻ chôn cùng một huyệt mộ... Hoặc nói về địa danh Đồng Nai, ông viết: "Tiếng Nôm là Đồng-Nai", tiếng chữ là "Lộc-giã"*[5] *lại kêu là "Lộc-động". Hoặc tóm cả đất Gia Định mà gọi là Đồng-Nai, là bởi ban sơ khai thác đất Gia-Định, bắt đầu từ Đồng-Nai, cho nên nhắc cả gốc, gồm đến cái ngọn, mới tóm xưng là Đồng-Nai...". Ngoài phần chính văn của Duy Minh Thị, còn có phần lời đề dẫn của Hồ Biểu Chánh; và dịch giả Thượng Tân Thị còn bổ sung thêm nhiều bài thơ, qua những địa danh mà ông đã từng sống ở đó hoặc có đi qua nơi ấy, như khi đi qua, chợ Ba Kè – ngôi chợ rất nổi tiếng nằm bên bờ sông Măng Thít thuộc tỉnh Vĩnh Long, ông viết: "Gần tối ra chơi đứng giữa cầu/ Chim bay cả liệng biết về đâu/ Ngược xuôi nước chảy chia ba ngã/ Lui tới mây tuôn dạng một mầu/ Dựa bãi loe hoe đèn xóm lưới/ Ngay giòng lững đững bóng thuyền câu/ Thân nầy đây khách mười năm trọn/ Biết lấy chi chi gởi mối sầu"...*

Sách xuất bản lần này, ngoài bản dịch của Thượng Tân Thị, chúng ta còn được tiếp cận phần phụ lục bản chép tay bản Hán Nôm "Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí" mà bản in trước đây không có, để các nhà nghiên cứu có điều kiện đối chiếu. Sách dày 255 trang, khổ 14 x 26cm, do Nxb. Thuận Hóa ấn hành vào tháng 6-2018.■

Trà Ngoa

CHÚ THÍCH:

1. Tiểu giáo trình địa dư Nam kỳ lục tỉnh.

2. Nội dung bộ sách này, năm 1943, ông Đặng Thúc Liêng đã chuyển thể thành thơ, với tác phẩm "Gia Long phục quốc diễn ca", được đăng nhiều kỳ trên Đại Việt tập chí, *từ số 1-7/1942 và số 8/1943 (TTT).*

3. Tên hiệu của Trịnh Hoài Đức, tác giả bộ sách Gia Định thành thông chí.*(TTT).*

4. Vương Hồng Sển, Bên lề sách cũ, *Nxb. Tổng hợp TP.HCM, 2013, tr 118, 119 (TTT).*

5. Đúng ra phải là "Lộc dã 鹿野" ("dã" nghĩa là cánh đồng, đồng nội, khu vực ngoài kinh thành) (TTT).